

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2021/DS-PT
Ngày: 24/12/2021
V/v tranh chấp “*Hợp đồng
góp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều;**

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 và 24 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp x, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Trần Thị B, sinh năm: 1975. (Có mặt)

2.2. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp x, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị làm đầu thảo tổ chức chơi hụi, chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T là hụi viên tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

*** Hụi tháng:**

- Hụi tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, khui ngày 15/02/2018a (mãn vào 15/4/2020 âl, tháng 4 sau), nợ 3.000.000 đồng;

- Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 12/7/2019 (10/6/2019 âl), có 28 phần, mỗi tháng khui một lần, chị B và anh T tham gia 02 phần. Hụi này mãn vào ngày 16/9/2021 (10/8/2021 âl). chị B, anh T hốt một phần ở lần khui thứ hai trừ huê hồng còn số tiền 37.800.000 đồng, đóng hụi chết đến lần thứ 12 (tháng 4/2020 (sau) âl) thì ngưng, còn nợ lại 16 lần số tiền 32.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử, nợ hụi đến hạn là 22.000.000 đồng, hụi chưa đến hạn là 10.000.000 đồng. Phần hụi còn lại chị B, anh T đóng hụi sống được 11 lần với tiền 15.400.000 đồng, sau đó ngưng không đóng nữa. Mặc dù dây hụi chưa mãn nhưng do có tranh chấp nên thống nhất kết toán đối trừ phần hụi sống và hụi chết với nhau, chị B, anh T nợ chị số tiền 16.600.000đ;

- Hụi tháng 2.000.000 đồng khui ngày 12/7/2019 (10/6/2019 âl) gồm 28 phần, mỗi tháng khui một lần, chị B và anh T tham gia 02 phần. Hụi này mãn vào ngày 16/9/2021 (10/8/2021 âl). chị B, anh T hốt phần thứ nhất ở lần khui thứ năm, trừ huê hồng còn số tiền là 39.600.000 đồng, đóng hụi chết đến lần thứ 12 (tháng 4/2020 (sau) âl) thì ngưng, nên còn nợ lại 16 lần hụi là 32.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử, nợ hụi đến hạn là 22.000.000 đồng, hụi chưa đến hạn là 10.000.000 đồng. Phần hụi còn lại chị B, anh T đóng hụi sống được 11 lần với tiền 15.400.000 đồng. Mặc dù dây hụi chưa mãn nhưng do có tranh chấp nên thống nhất kết toán đối trừ phần hụi sống và hụi chết với nhau, chị B, anh T nợ chị số tiền 16.600.000đ;

- Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 25/8/2019 (25/7/2019 âl) gồm 27 phần, mỗi tháng khui một lần, chị B và anh T tham gia 02 phần. Hụi này mãn vào ngày 01/10/2021 (25/8/2021 âl). chị B và anh T hốt phần thứ nhất ở lần khui hụi thứ 6, trừ huê hồng còn số tiền là 19.400.000 đồng, đóng hụi chết đến lần thứ 11 thì ngưng nên nợ lại chị 16 lần hụi là 16.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử, nợ hụi đến hạn là 12.000.000 đồng, nợ hụi chưa đến hạn là 4.000.000 đồng. Phần hụi còn lại chị B, anh T đóng hụi sống được 10 lần là 7.000.000 đồng sau đó ngưng không đóng nữa. Mặc dù dây hụi chưa mãn nhưng do có tranh chấp nên thống nhất kết toán đối trừ phần hụi sống và hụi chết với nhau, chị B, anh T nợ chị số tiền 9.000.000đ;

Tổng cộng 04 dây hội tháng, chị B và anh T còn nợ chị 45.200.000 đồng.

*** Hội nửa tháng:**

- Hội nửa tháng 1.000.000 đồng, khai 15/01/2019 âm, đã mãn vào 15/5/2020 âm, nợ 24.000.000 đồng;

- Hội nửa tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2019 (10/7/2019 âm), đã mãn vào ngày 06/02/2021 (25/12/2020 âm). chị B và anh T hốt một phần ở lần khai hội thứ năm, được số tiền 25.800.000 đồng, chị B và anh T hốt hội phần thứ hai ở lần khai thứ 9 được 27.300.000 đồng, đã trừ huê hồng. Sau khi hốt hội, chị B và anh T đóng hội chết đến lần thứ 20 thì ngưng, nên còn nợ chị 18 lần là 36.000.000 đồng;

- Hội nửa tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 01/11/2019 (05/10/2019 âm), hội gồm 40 phần, chị B và anh T tham gia chơi 02 phần. Hội này mãn vào ngày 31/5/2021 (20/4/2021 âm). chị B, anh T hốt một phần vào lần khai thứ 4 sau khi trừ huê hồng còn lại số tiền 24.500.000 đồng, phần còn lại hốt vào lần khai thứ 10 sau khi trừ huê hồng còn lại số tiền 29.000.000 đồng. Sau khi hốt hội, chị B và anh T đóng hội tiếp của 02 phần hội đến lần thứ 14 thì ngưng, còn nợ lại chị 26 lần là 52.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử là ngày 07/5/2021 hội đến hạn là 48.000.000 đồng, nợ hội chưa đến hạn là 4.000.000 đồng. Mặc dù dây hội chưa đến ngày 31/5/2021 nhưng do có tranh chấp nên chị C và chị B thống nhất kết toán một lần số tiền 52.000.000đ;

- Hội nửa tháng 2.000.000 đồng, hội khai ngày 01/11/2019 (05/10/2019 âm), hội gồm 40 phần, chị B và anh T tham gia chơi 02 phần hội. Hội này mãn vào ngày 31/5/2021 (20/4/2021 âm). chị B, anh T hốt hội của phần thứ nhất vào lần khai thứ 6 được số tiền 46.200.000 đồng, hốt hội của phần thứ hai vào lần khai thứ 7 được số tiền 44.200.000 đồng (đã trừ huê hồng). Sau khi hốt hội, chị B và anh T đóng hội tiếp của 02 phần hội đến lần thứ 14 thì ngưng nên còn nợ lại chị 26 lần hội số tiền 104.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử ngày 07/5/2021 hội đến hạn là 100.000.000 đồng, nợ hội chưa đến hạn là 4.000.000 đồng. Mặc dù dây hội chưa đến ngày 31/5/2021 nhưng do có tranh chấp nên chị C và chị B thống nhất kết toán một lần số tiền chị B, anh T nợ trong dây hội là 104.000.000đ;

- Hội nửa tháng 1.000.000 đồng, hội khai ngày 29/01/2020 (05/01/2020 âm), hội gồm 30 phần, chị B và anh T tham gia chơi 02 phần hội. Hội này đã mãn vào ngày 16/4/2021 (05/3/2021 âm). chị B, anh T hốt hội của phần thứ nhất vào lần khai thứ 2 được số tiền 18.900.000 đồng, hốt hội của phần thứ hai vào lần khai

thứ 3 được số tiền 17.900.000 đồng (đã trừ huê hồng). Sau khi hốt hui, chị B và anh T đóng hui tiếp của 02 phần hui đến lần thứ 8 thì ngưng không đóng nữa nên còn nợ lại chị 22 lần số tiền là 44.000.000 đồng;

Tổng cộng 05 dây hui nửa tháng chị B và anh T còn nợ chị tiền hui là 260.000.000 đồng.

*** Hui tuần:**

- Hui tuần 200.000 đồng, khai vào ngày 01/12/2019 (mãn vào 10/6/2020), nợ 9.080.000 đồng;

- Hui tuần 300.000 đồng, khai ngày 16/01/2020 (mãn ngày 03/8/2020), nợ 37.226.000 đồng;

Tổng nợ hui tuần 46.306.000 đồng.

*** Hui 10 ngày:**

- Hui 500.000 đồng, hui 10 ngày khai một lần, khai ngày 10/6/2019 (mãn hui 10/5/2020) nợ 10.250.000 đồng.

*** Hui mượn:**

- chị B, anh T có mượn chị một phần hui của dây hui nửa tháng 2.000.000 đồng (đã mãn) chị đóng được 11 lần, các bên thỏa thuận, khi mãn hui chị B, anh T trả cho chị C 77.400.000đ và đóng bù 600.000đ theo mỗi kỳ khai hui tổng số tiền là 15.000.000đ, nhưng chỉ đóng bù được 1.200.000đ thì ngưng còn nợ lại 13.800.000 đồng, nên chị B, anh T nợ phần hui mượn này là 91.200.000đ;

- chị B, anh T còn mượn hui của các hui viên khác số tiền là 184.500.000đ.

Nay chị Nguyễn Thị C yêu cầu chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T phải trả số tiền nợ hui còn lại là 452.956.000 đồng. Đối với số tiền 184.500.000 đồng chị B, anh T mượn hui của các hui viên khác chị xin rút không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị B trình bày:

Chị có tham gia chơi hui do chị Nguyễn Thị C làm chủ thảo, chị B thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị C, hiện chị còn nợ lại chị C tổng số tiền hui là 452.956.000đ như chị C trình bày. Nay chị đồng ý trả theo yêu cầu chị C nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chị xin trả dần mỗi năm 50.000.000đ cho đến khi xong nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không ghi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị C.

1.1. Buộc chị Trần Thị B, anh Nguyễn Thanh T liên đới trả chị Nguyễn Thị C số tiền nợ hui 452.956.000đ (bốn trăm năm mươi hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu chị Trần Thị B, anh Nguyễn Thanh T trả số tiền 184.500.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án của đương sự.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, bị đơn Trần Thị B kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa lại một phần nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CL, tuyên vào ngày 07/5/2021 theo hướng cho chị B trả số tiền gốc và trả dần số tiền nợ hui, một năm trả 50.000.000 đồng theo vụ mùa sấu riêng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị Trần Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nộp đơn kháng cáo bổ sung xin trả vốn gốc tổng cộng 237.856.000 đồng nhưng chị Nguyễn Thị C không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị B. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc chị B anh T trả chị C 452.956.000 đồng tiền nợ hui là có căn cứ. chị B kháng cáo xin giảm tiền nợ các dây hui và xin trả nợ dần nhưng không được chị C đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày và tranh

luận của các đương sự, ý kiến nhận định và đề nghị của Kiểm sát viên, nhận thấy:

[1] Bị đơn Trần Thị B thực hiện quyền kháng cáo án sơ thẩm đúng theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn Nguyễn Thanh T được Tòa sơ thẩm và Tòa phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 296, của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ pháp luật, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ các hợp đồng góp hội năm 2019 và 2020 tổng cộng 452.956.000 đồng. Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng góp hội là đúng tính chất của vụ án. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và Điều 166, 280, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS 2015) và Điều 23, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường.

[4] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Chị Nguyễn Thị C nộp đơn khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T trả các khoản tiền nợ của 12 dây hội do chị C làm chủ mà chị B tham gia và mượn của chị một phần hội tổng số tiền 452.956.000 đồng. Đồng thời phải trả 184.500.000 đồng mà chị B, anh T mượn của các hội viên khác.

Quá trình giải quyết vụ án chị C có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 184.500.000 đồng mà chị B, anh T mượn các hội viên khác. Còn lại yêu cầu chị B, anh T trả 452.956.000 đồng nợ hội. (Bút lục số 68, 76)

Tại Tòa sơ thẩm chị B thừa nhận có tham gia chơi hội do chị C là chủ và chị đã hốt nhưng không có khả năng đóng hội chết nên còn nợ chị C số tiền 452.956.000 đồng đúng như chị C trình bày. chị B cho rằng nợ hội là của chị, anh T không có tham gia. Nay chị đồng ý trả cho chị C 452.956.000 đồng tiền nợ hội nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. chị C không chấp nhận cho chị B trả nợ dần như chị B đề nghị.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Buộc chị B và anh T cùng liên đới nghĩa vụ trả cho chị C 452.956.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của chị C đòi chị B, anh T trả 184.500.000 đồng tiền mượn hội người khác.

Ngày 18/5/2021 chị Trần Thị B kháng cáo một phần quyết định án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xử cho chị trả tiền gốc nợ hội và xin trả 50.000.000 đồng

một năm theo mùa vụ sầu riêng. Tại phiên tòa chị B nộp đơn kháng cáo bổ sung xin trả vốn gốc 237.856.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị B nhận thấy: Tại Tòa sơ thẩm chị B đều thừa nhận còn nợ chị C số tiền hui như chị C trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án là 452.956.000 đồng (Bút lục số 75)

Tại phiên tòa phúc thẩm chị B lần lượt xác nhận: Chị có tham gia nhiều dây hui do chị C làm chủ cụ thể như sau:

+ Dây hui tháng 1.000.000 đồng khai ngày 15/02/2018 AL mãn ngày 15/4/2020 AL, chị đã hót, hiện còn nợ chị C 3.000.000 đồng, nhưng xin trả 2.100.000 đồng

+ Dây tháng 2.000.000 đồng khai ngày 12/7/2019 có 28 phần. Chị tham gia 02 phần đã hót 01 phần rồi ngưng. Tính ngày mãn hui 16/9/2021 thì chị còn nợ chị C 16.600.000 đồng. Nhưng xin trả 7.000.000 đồng.

+ Dây hui tháng 2.000.000 đồng cũng khai ngày 12/7/2019 có 28 phần chị tham gia 02 phần, đã hót 01 phần thì ngưng. Tính đến ngày mãn hui 16/9/2021 chị còn nợ chị C dây hui này 16.600.000 đồng. Nhưng xin trả 7.000.000 đồng.

+ Dây hui tháng 1.000.000 đồng khai ngày 25/8/2019 gồm 27 phần, chị tham gia 02 phần, chị đã hót. Tính đến ngày mãn hui 01/10/2021 chị còn nợ chị C 9.000.000 đồng. Nhưng xin trả 4.200.000 đồng.

+ Dây hui nửa tháng 1.000.000 đồng khai ngày 15/01/2019 mãn ngày 15/5/2020 chị còn nợ chị C 24.000.000 đồng. Nhưng xin trả 16.800.000 đồng.

+ Dây hui nửa tháng 1.000.000 đồng khai ngày 10/8/2019 mãn ngày 06/02/2021 chị B tham gia 02 phần và đã hót hết. Dây hui này chị còn nợ chị C 36.000.000 đồng. Nhưng xin trả 22.400.000 đồng.

+ Dây hui nửa tháng 1.000.000 đồng khai ngày 01/11/2019 gồm 40 phần chị B tham gia 02 phần và đã hót. Tính đến ngày mãn hui 31/5/2021 thì chị còn nợ chị C dây hui này 52.000.000 đồng. Nhưng xin trả 18.200.000 đồng.

+ Dây hui nửa tháng 2.000.000 đồng khai ngày 01/11/2019 gồm 40 phần chị B tham gia 02 phần và đã hót hết. Tính đến ngày mãn hui 31/5/2021 thì chị còn nợ chị C 104.000.000 đồng. Nhưng xin trả 72.800.000 đồng.

+ Dây hui nửa tháng 1.000.000 đồng khai ngày 29/01/2019 gồm 30 phần chị B tham gia 02 phần và đã hót hết 02 phần. Tính đến ngày mãn hui 16/4/2021 thì chị còn nợ chị C 44.000.000 đồng. Nhưng xin trả 30.800.000 đồng.

+ Hui tuần 200.000 đồng khai ngày 01/12/2019 mãn ngày 10/6/2020 chị nợ chị C 908.000 đồng.

+ Hụi tuần 300.000 đồng khui ngày 16/01/2020 mần ngày 03/8/2020 chị còn nợ chị C 37.226.000 đồng.

+ Hụi 10 ngày khui 01 lần 500.000 đồng khui ngày 10/6/2019 mần ngày 10/5/2020 chị còn nợ chị C 10.250.000 đồng.

+ Chị mượn của chị C một phần dây hụi 2.000.000 đồng nữa tháng khui một lần, chị đã hốt. Tính đến khi mần hụi chị còn nợ chị C số tiền 91.200.000 đồng.

Tổng cộng 12 dây hụi chị tham gia và một phần hụi mượn, chị nợ chị C 452.956.000 đồng. Nhưng xin trả chị C 237.856.000 đồng.

chị C không chấp nhận giảm nợ hụi như chị B yêu cầu vì chị phải giao hụi cho người khác phần hụi chị B đã hốt mà không đóng hụi chết. Do vậy Tòa án không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị B được.

[6] chị B kháng cáo xin trả tiền nợ hụi cho chị C mỗi năm 50.000.000 đồng theo mùa Sầu riêng. Yêu cầu này của chị không được chị C đồng ý nên cũng không có căn cứ chấp nhận được cần giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[7] Về trách nhiệm trả nợ, nguyên đơn Nguyễn Thị C yêu cầu chị B và anh T cùng trả nợ hụi cho chị C nhưng chị B khai việc chơi hụi với chị C chỉ một mình chị, anh T không tham gia nên một mình chị trả cho chị C. Xét thấy việc chơi hụi chị B khai tham gia một mình chị, nhưng tiền hốt hụi thì chị chi tiêu cho cuộc sống gia đình, trả nợ và điều trị bệnh cho chị thì anh T đều biết (Bút lục 74). Khi chị C khởi kiện anh T biết quá trình giải quyết vụ án anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và bản án sơ thẩm nhưng anh T không có văn bản phản đối và cũng không kháng cáo bản án nên cần buộc anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị C như án sơ thẩm xử là có căn cứ. Vì theo khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. Vợ, chồng có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30...”, khoản 1 Điều 30 quy định “1. Vợ, chồng có quyền nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình”.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị B không bổ sung được tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa pháp lý, không làm thay đổi tính chất nội dung vụ án nên vẫn giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[8] Về phần chị C rút yêu cầu chị B, anh T trả 184.500.000 đồng tiền mượn hụi của các hụi viên khác là tự nguyện không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ người khác được Tòa sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ giải quyết là có căn cứ nên giữ nguyên.

[9] Về án phí: chị B và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 và chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (DSPT) theo khoản 1 Điều 148 của BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị B;

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

Áp dụng khoản 3 Điều 29, Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 296 và Điều 244 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 166, 280, 288, 357, 471 BLDS 2015, Điều 23, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Buộc chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T cùng liên đới nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị C 452.956.000 đồng tiền nợ hội;

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị B, anh T chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của BLDS 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị C đòi chị B, anh T trả 184.500.000 đồng tiền mượn hội của các hội viên khác. chị C được quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại đối với phần đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

3. Về án phí:

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T phải chịu 22.647.000 đồng án phí DSST;

Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT;

Tòa trả lại chi Nguyễn Thị C 7.757.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005898 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CL (CC THADS);

Trả lại chi Trần Thị B 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000234 ngày 10/5/2021 của CC THADS huyện CL;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CL;
- CC THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải